

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/LĐ-PT

Ngày: 29-3-2024

V/v “Tranh chấp đơn phương  
chấm dứt hợp đồng lao  
động”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Kim Anh

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Ông Phan Nguyên Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thơm - Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 và ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số 94/2023/TLPT-LĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 1814/2023/LĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 998/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Quốc L**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: **Số A, đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Lê Hữu N**, sinh năm 1996. Theo Giấy ủy quyền số công chứng 007112, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/8/2023, lập tại **Văn phòng C**, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số F, đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Địa ốc Đông Nam  
Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phạm Văn Đ – Chức vụ:  
Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở: Số F - F, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1990. Theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2024 do Công ty Cổ phần Đ2 lập.

Địa chỉ liên hệ: Số F - F, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn - ông Nguyễn Quốc L.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\*Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/6/2019, nguyên đơn và Công ty Cổ phần Đ2 (sau đây gọi tắt là Công ty) có ký Hợp đồng lao động số 56/2019/HĐLD-ĐN. Hợp đồng có xác định thời hạn là 02 (hai) năm kể từ ngày 02/6/2019 đến ngày 31/5/2021. Chức danh công việc của nguyên đơn là chuyên viên IT. Tiền lương theo chức danh công việc là 4.680.000đồng/tháng, từ tháng 01/2020 mức lương chức danh của nguyên đơn là 5.300.000đồng. Ngoài ra, trong hợp đồng lao động hai bên còn thỏa thuận về phụ cấp lương theo chính sách Công ty vào từng thời điểm, các khoản trợ cấp và hỗ trợ khác như tiền ăn giữa ca 730.000đồng; trợ cấp tiền điện thoại, trợ cấp xăng xe, trợ cấp đi lại và các khoản trợ cấp khác theo chính sách của công ty; Tiền thưởng hiệu quả công việc căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao người lao động sẽ được chi thưởng với mức từ 7.731.000đồng/tháng đến 8.590.000đồng/tháng. Số tiền lương thực lãnh của nguyên đơn hàng tháng khoảng 16.000.000đồng.

Ngày 20/11/2020, bị đơn giao nhiệm vụ cho nguyên đơn và một nhân viên sử dụng thiết bị quay phim (F) để ghi lại hình ảnh và tiến độ của dự án Khu đô thị V tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ cho hoạt động của bị đơn. Trong quá trình làm việc, thiết bị quay phim gặp sự cố mất tín hiệu rơi xuống sông. Ngay khi thiết bị rơi xuống sông, nguyên đơn và một nhân viên phòng IT cùng một số người khác đã tìm cách trục vớt thiết bị nhưng do nước sâu, dòng chảy mạnh nên không trục vớt được. Sau đó, bị đơn đã thuê người trục

vớt thiết bị lên, nguyên đơn là người đem thiết bị đi kiểm tra và sửa chữa. Sự việc xảy ra hoàn toàn là do yếu tố khách quan.

Ngày 21/12/2020, bị đơn có mời nguyên đơn lên làm việc và yêu cầu nguyên đơn phải làm Bản kiểm điểm nhưng nguyên đơn không đồng ý vì không có căn cứ xác định thiết bị rơi xuống sông là lỗi hoàn toàn của nguyên đơn. Sau đó, bị đơn lại đưa ra yêu cầu buộc một mình nguyên đơn phải thanh toán lại toàn bộ chi phí sửa chữa và chi phí thuê người trục vớt thiết bị, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu này của phía bị đơn và đưa ra đề nghị trong trường hợp phải bồi thường thì toàn bộ nhân viên trong nhóm làm việc với nguyên đơn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm chứ không phải một mình nguyên đơn chịu trách nhiệm, phía bị đơn không đồng ý.

Ngày 05/01/2021, bị đơn ban hành Quyết định số 01/2021/QĐ-HĐQT về việc chấm dứt hợp đồng lao động (sau đây gọi tắt là Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động Số 01) đối với nguyên đơn từ kể ngày 07/01/2021. Lý do bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là do không hoàn thành nhiệm vụ được giao, không có trách nhiệm trong công việc gây thiệt hại cho bị đơn. Trước khi ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, bị đơn không thông báo trước cho nguyên đơn biết.

Nhận thấy, Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động Số 01 về việc chấm dứt hợp đồng lao động là trái quy định của pháp luật nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản sau:

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do hành vi chấm dứt hợp đồng sai pháp luật là 16.000.000đồng x 02 tháng = 32.000.000đồng;
- Bồi thường 02 tháng tiền lương tương đương 32.000.000đồng nếu không nhận nguyên đơn vào làm việc lại;
- Thanh toán tiền lương của những ngày không được làm việc là 04 tháng 25 ngày x 16.000.000đồng là 76.903.000đồng;
- Thanh toán một tháng tiền lương là 16.000.000đồng do vi phạm thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động;
- Yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong khoảng thời gian từ 07/01/2021 đến hết ngày 31/5/2021. Sau đó, tại biên bản hòa giải ngày 01/8/2023, nguyên đơn xin rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 156.903.000đồng. Căn cứ để nguyên đơn đưa ra mức lương 16.000.000đồng/tháng, là mức trung bình của 06 (sáu) tháng lương thực lãnh liền kề trước khi bị đơn cho nguyên đơn nghỉ việc.

Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán: Một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Cơ sở để xác định mức lương hàng tháng của nguyên đơn khoảng 16.000.000đồng vì đây là thu nhập thực tế hàng tháng của nguyên đơn, số tiền thu nhập thực tế này có tháng tăng có tháng giảm là tháng có ngày công tăng ca, tháng không có ngày công tăng ca. Việc người sử dụng lao động phân bổ khoản tiền 16.000.000đồng thành nhiều khoản khác nhau là quyết định đơn phương của phía bị đơn tự ý làm, nguyên đơn không thể can thiệp được. Tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng lao động cũng quy định tiền lương bao gồm 03 (ba) khoản gồm tiền lương chức danh công việc, phụ cấp và tiền thưởng hiệu quả công việc. Thỏa thuận này đã thể hiện rằng tiền thưởng hiệu quả công việc là một phần trong tiền lương, đây là sự thỏa thuận hoàn toàn hợp pháp để bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn. Tại khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định, tiền thưởng sẽ được xác định dựa trên năng suất và hiệu quả làm việc của người lao động, trong khi đó tại Điều 8 nội dung quy chế đánh giá việc mức độ xếp loại hoàn thành công việc bị đơn lại quy định nếu người lao động hoàn thành tốt xếp loại xuất sắc thì nhận 100% thưởng hiệu quả công việc, quy định này không hợp lí vì trách nhiệm của người lao động là phải hoàn thành được công việc được giao, người lao động hoàn thành công việc thì được nhận lương đầy đủ nên đây là khoản tiền lương chứ không phải là tiền thưởng. Khi người lao động hoàn thành công việc vượt quá công việc được giao tạo ra lợi nhuận lớn hơn so với yêu cầu ban đầu của bị đơn, bị đơn trả tiền cho phần hiệu quả công việc vượt quá này thì lúc đó mới được xem xét là khoản thưởng. Cho nên khoản tiền mà bị đơn trả khi người lao động hoàn thành đầy đủ công việc thì đó là tiền lương chứ không thể nói là tiền thưởng.

***\*Bị đơn có Người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Phía bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của phía nguyên đơn về quá trình ký kết và chấm dứt hợp đồng lao động giữa hai bên.

Lý do phía bị đơn cho nguyên đơn nghỉ việc là vì: Vào ngày 20/11/2020, khi nguyên đơn được giao nhiệm vụ sử dụng thiết bị quay phim trên không (Flycam) để ghi hình tại dự án Khu đô thị V. Do thiếu trách nhiệm, không kiểm tra thiết bị và rời khỏi vị trí điều khiển nên nguyên đơn để thiết bị vượt khỏi tầm kiểm soát, dẫn đến hậu quả thiết bị rơi xuống sông ngay trong khu dự án của bị

đơn, gây thiệt hại về tài sản và làm mất dữ liệu của bị đơn. Bị đơn phải thuê thợ lặn để trục vớt thiết bị rồi mang đi sửa chữa với chi phí tổng cộng 16.000.000đồng. Như vậy, nguyên đơn đã vi phạm khoản 5 Điều 34 Nội quy Công ty ban hành ngày 19/4/2019 “*thiếu trách nhiệm trong công việc gây thiệt hại về tài sản của công ty*”. Sau khi sự việc xảy ra, nguyên đơn có thái độ không thành khẩn và thiếu hợp tác nên ngày 05/01/2021, bị đơn đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn.

Phía bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc thiết bị rơi xuống sông là do lỗi hoàn toàn của nguyên đơn, do lúc đó bị đơn không lập biên bản lúc xảy ra sự việc cũng như trong các buổi họp làm việc sau này với nguyên đơn phía bị đơn cũng không lập biên bản.

Phía bị đơn xác định, khi ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động Số 01, bị đơn không báo trước cho nguyên đơn biết, mà tự ban hành rồi giao quyết định cho nguyên đơn. Căn cứ để bị đơn ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động là do nguyên đơn vi phạm nội quy làm việc của bị đơn khoản 5 Điều 34 Nội quy Công ty ban hành ngày 19/4/2019 “*thiếu trách nhiệm trong công việc gây thiệt hại về tài sản của công ty*”.

Do đó, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 31.696.364đồng gồm lương từ ngày 07/01/2021 đến 31/5/2021 và bồi thường 02 tháng tiền lương khi chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.

Hàng tháng bị đơn đều thực hiện việc đánh giá hiệu quả công việc đối với từng nhân viên, tháng nào nguyên đơn cũng đạt hiệu quả công việc cao nên ngoài lương căn bản nguyên đơn còn được nhận thêm khoản tiền thưởng hiệu quả công việc, khoản tiền thưởng này có tháng cao hơn so với mức quy định trong hợp đồng lao động là do nguyên đơn có làm tăng ca, số ngày làm việc tăng ca của nguyên đơn cũng được thưởng do đạt hiệu quả công việc tốt. Vì vậy, phía bị đơn không đồng ý mức bồi thường theo bình quân tổng thu nhập thực lãnh của nguyên đơn, chỉ đồng ý áp dụng mức lương cơ bản là 5.300.000đồng để làm căn cứ bồi thường cho nguyên đơn.

Phía bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn những khoản sau:

- Bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương do hành vi chấm dứt hợp đồng trái pháp luật;
- Thanh toán tiền lương của những ngày không được làm việc;

- Thanh toán tiền lương do vi phạm thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là 28 ngày, vì bị đơn đã báo trước cho nguyên đơn 02 (hai) ngày;

- Không đồng ý đối với yêu cầu bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương, nếu không nhận nguyên đơn quay trở lại làm việc, vì Hợp đồng lao động giữa hai bên đã hết hạn thực hiện vào ngày 31/5/2021;

Chỉ ý áp dụng mức lương 5.300.000đồng/tháng, là mức lương theo Hợp đồng lao động và cũng là mức lương tính bảo hiểm xã hội để làm căn cứ bồi thường. Bị đơn không đồng ý với mức lương 16.000.000đồng/tháng mà phía nguyên đơn yêu cầu.

***\*Tại Bản án lao động sơ thẩm số 1814/2023/LĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:***

- Áp dụng điểm a và điểm b khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 20, Điều 36, Điều 39, Điều 41, Điều 90 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Áp dụng Luật phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hợp đồng lao động số 56/2019/HĐLĐ-ĐN ngày 01/6/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn chấm dứt kể từ ngày 31/5/2021.

Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là: 41.516.667đồng (trong đó bao gồm: 25.616.667đồng tiền lương những ngày không được làm việc + 10.600.000đồng bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật + 5.300.000đồng do vi phạm thời gian báo trước).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương do bị đơn không nhận nguyên đơn quay lại làm việc. Không chấp nhận yêu cầu áp dụng mức lương 16.000.000đồng/tháng làm cơ sở tính bồi thường.

Ngoài ra, Bản án lao động sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/9/2023, nguyên đơn kháng cáo một phần Bản án lao động sơ thẩm số 1814/2023/LĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

***\*Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Hai bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động vào ngày 07/01/2021, bị đơn tự nguyện hỗ trợ chấm dứt Hợp đồng lao động tổng số tiền là 60.000.000đồng.

***\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cần được ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có yêu cầu tranh chấp thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận về hình thức.

[2] Về nội dung: Căn cứ sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật cần được ghi nhận. Sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của hai bên đương sự như sau: Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 07/01/2021 theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động Số 01 giữa nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn tự nguyện hỗ trợ số tiền 60.000.000đồng cho nguyên đơn để chấm dứt hợp đồng lao động.

[3] Án phí lao động phúc thẩm nguyên đơn không phải chịu. Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm là  $60.000.000\text{đồng} \times 03\% = 1.800.000\text{đồng}$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022);
- Căn cứ Luật Phí và lệ phí; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án sơ thẩm lao động số 1814/2023/LĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nhận thỏa thuận của hai bên đương sự như sau: Ông **Nguyễn Quốc L** và **Công ty Cổ phần Đ2** thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 07/01/2021 theo Quyết định số 01/2021/QĐ-HĐQT ngày 05/01/2021 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động. **Công ty Cổ phần Đ2** tự nguyện hỗ trợ số tiền 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng) cho ông **Nguyễn Quốc L** để chấm dứt hợp đồng lao động.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí lao động:

- Án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đ2 phải chịu 1.800.000đồng (một triệu, tám trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc L không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*Nơi nhận:*

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Q. Bình Thạnh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Kim Anh**